|  |  |
| --- | --- |
| **­­­­­NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2020/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Nghị định 87/2019NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

1. Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Số dư trên tài khoản thanh toán được tính lãi theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn. Mức lãi suất do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ấn định và niêm yết công khai hoặc thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.”.

2. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 12. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán**

Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định và hướng dẫn khách hàng các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, tối thiểu phải có các giấy tờ sau:

1. Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

b) Các giấy tờ tùy thân bao gồm thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn, giấy khai sinh (đối với cá nhân là công dân Việt Nam chưa đủ 14 tuổi), thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh (đối với cá nhân là người nước ngoài) của khách hàng.

c) Trường hợp cá nhân mở tài khoản thanh toán thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm a và b khoản 1 Điều này, hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải có thêm các giấy tờ tùy thân của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật và các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đó đối với cá nhân mở tài khoản.

2. Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

b) Các giấy tờ chứng minh việc tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp: Quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

c) Bản sao các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện hợp pháp và quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức mở tài khoản thanh toán kèm bản sao giấy tờ xác minh thông tin của của những người đó.

3. Đối với tài khoản thanh toán chung:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

b) Giấy tờ của các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung:

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân, hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm những giấy tờ như quy định tại khoản 1 Điều này;

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức, hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm những giấy tờ như quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung của các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung.

4. Các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là bản chính hoặc bản sao phù hợp với quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Yêu cầu về giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đối với trường hợp mở tài khoản thanh toán không gặp mặt trực tiếp khách hàng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 là bản số hoá; ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có giải pháp, công nghệ để thu thập và kiểm tra tính chính xác, hợp lệ của bản số hoá giấy tờ tuỳ thân.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thoả thuận với khách hàng về việc dịch hoặc không dịch ra tiếng Việt đối với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung của các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài.

b) Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

3. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 13. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và thoả thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán**

1. Mẫu giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định nhưng phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân:

- Đối với cá nhân là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số thẻ căn cước công dân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn thời hạn ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại; thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;

- Đối với cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số hộ chiếu còn thời hạn, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam; thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;

- Trường hợp cá nhân mở tài khoản thanh toán thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật: thông tin về người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của khách hàng mở tài khoản, bao gồm:

+ Nếu người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của khách hàng mở tài khoản là cá nhân, thông tin về người giám hộ, người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại điểm này;

+ Nếu người giám hộ của khách hàng là tổ chức, thông tin gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; địa chỉ giao dịch; số điện thoại, số fax (nếu có); lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; người đại diện hợp pháp của tổ chức đó.

- Đăng ký mẫu chữ ký của khách hàng mở tài khoản hoặc người đại diện theo pháp luật, người giám hộ và những người khác có liên quan (nếu có).

b) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức:

- Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; địa chỉ giao dịch; số điện thoại; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh;

- Thông tin về người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Thông tin về kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức mở tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Đăng ký mẫu dấu (nếu có), mẫu chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản, chữ ký của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán của tổ chức mở tài khoản thanh toán.

c) Đối với tài khoản thanh toán chung:

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân, phải có các thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức, phải có các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Thỏa thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Số văn bản (nếu có), thời điểm (ngày, tháng, năm) lập thỏa thuận (hoặc hợp đồng).

b) Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Khách hàng mở tài khoản, họ và tên người đại diện hợp pháp của khách hàng (nếu khách hàng là tổ chức), họ và tên người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của khách hàng (nếu khách hàng là cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 11 Thông tư này).

d) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên.

đ) Quy định về phí (các loại phí, mức phí (nếu có), việc thay đổi về phí).

e) Việc cung cấp thông tin và hình thức thông báo cho chủ tài khoản biết về: số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán, việc tài khoản thanh toán bị phong tỏa và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán.

g) Các trường hợp tạm khóa và ngừng tạm khóa tài khoản thanh toán;

h) Phạm vi sử dụng tài khoản thanh toán và các trường hợp từ chối lệnh thanh toán của chủ tài khoản.

i) Việc sử dụng tài khoản thanh toán để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo yêu cầu của chủ tài khoản hoặc việc ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

k) Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản thanh toán.

l) Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại; thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại theo quy định tại Điều 15a Thông tư này.

m) Các trường hợp đóng tài khoản thanh toán và việc xử lý số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán.

n) Việc quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung của các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung (nếu có).

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao kết thỏa thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện:

- Niêm yết công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng giao dịch trực tuyến trên Internet (nếu có) của tổ chức tín dụng.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng biết trước khi tiến hành việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng và có xác nhận của khách hàng về việc đã được tổ chức tín dụng cung cấp đầy đủ thông tin.”.

4. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 14. Thủ tục mở tài khoản thanh toán**

1. Mở tài khoản thanh toán qua gặp mặt trực tiếp khách hàng:

a) Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán, khách hàng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này nộp trực tiếp hoặc gửi tới ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán.

b) Khi nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản và xử lý:

- Nếu các giấy tờ tại hồ sơ mở tài khoản thanh toán đã đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản hoàn toàn khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

- Nếu các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hoặc các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản chưa khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán*,* ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng để hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ chối mở tài khoản thanh toán thì phải thông báo cho khách hàng biết.

c) Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và gặp mặt trực tiếp khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng để ký thoả thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán và thông báo số hiệu*,* tên tài khoản thanh toán, ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán cho khách hàng.

2. Mở tài khoản thanh toán không gặp mặt trực tiếp khách hàng:

a) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng và ban hành quy trình, thủ tục mở tài khoản thanh toán không gặp mặt trực tiếp khách hàng phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, về giao dịch điện tử và các quy định pháp luật liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Đối với khách hàng cá nhân, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết và xác minh khách hàng phục vụ việc mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử nhưng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có giải pháp, công nghệ để kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự khớp đúng, chính xác giữa thông tin nhận biết khách hàng (trong đó bao gồm các yếu tố sinh trắc học) với các yếu tố, thông tin trên giấy tờ tùy thân của khách hàng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư này hoặc với dữ liệu định danh cá nhân được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bởi tổ chức tín dụng khác;

- Có biện pháp kỹ thuật để xác nhận việc khách hàng đã được định danh, đã đồng ý với các nội dung tại thỏa thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

- Xây dựng quy trình quản lý, kiểm soát rủi ro và có biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng trước, trong và sau khi mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; trường hợp phát hiện có rủi ro, sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết khách hàng (trong đó bao gồm các yếu tố sinh trắc học của chủ tài khoản) trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời từ chối giao dịch, tạm khóa tài khoản thanh toán và có tiến hành xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng. Quy trình quản lý, kiểm soát rủi ro phải thường xuyên được rà soát, hoàn thiện dựa trên những thông tin, dữ liệu cập nhật trong quá trình cung ứng dịch vụ;

- Lưu trữ, bảo quản đầy đủ chi tiết theo thời gian đối với các thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng trong quá trình khách hàng mở, sử dụng tài khoản thanh toán, như: thông tin nhận biết khách hàng (trong đó bao gồm các yếu tố sinh trắc học của khách hàng); âm thanh, hình ảnh hoặc bản ghi hình, ghi âm (trường hợp sử dụng công nghệ cuộc gọi ghi hình có độ phân giải cao - video call - cho phép tương tác theo thời gian thực với khách hàng); số điện thoại thực hiện giao dịch; nhật ký giao dịch. Các thông tin lưu trữ phải được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu, giải quyết tra soát, khiếu nại và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời gian lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quy định pháp luật liên quan khác;

- Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại, xếp loại rủi ro và thỏa thuận với khách hàng về phạm vi sử dụng, hạn mức giao dịch tài khoản thanh toán phù hợp với quy định pháp luật liên quan, đảm bảo hạn mức tổng giá trị giao dịch (ghi Nợ) qua tài khoản thanh toán không vượt quá 100 triệu đồng/tháng/khách hàng. Hạn mức giao dịch này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng công nghệ video call trong quá trình mở tài khoản thanh toán;

+ Sau khi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản;

+ Các giao dịch chuyển tiền để gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn bằng phương thức điện tử cho chính khách hàng tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

c) Trường hợp cá nhân ở nước ngoài, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua ngân hàng đại lý hoặc bên trung gian để thực hiện việc mở tài khoản thanh toán nhưng phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng mở tài khoản và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết, xác minh khách hàng mở tài khoản thanh toán tại đơn vị mình. Việc lựa chọn bên trung gian thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng phải tuân thủ quy định tại Điều 10 Nghị định số [116/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-116-2013-nd-cp-huong-dan-luat-phong-chong-rua-tien-209305.aspx) ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng chống rửa tiền và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

d)Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện việc nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua tổ chức khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và các quy định pháp luật khác có liên quan.

đ) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của khách hàng khi ký thỏa thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán nhưng phải áp dụng các công nghệ, biện pháp phù hợp để nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng đầy đủ, chính xác, bao gồm cả việc xác minh về sự chính xác về chữ ký, dấu (nếu có) của người đại diện hợp pháp của khách hàng trên thỏa thuận (hoặc hợp đồng) mở và sử dụng tài khoản thanh toán và đảm bảo sự khớp đúng với mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán.

3. Việc mở tài khoản thanh toán cho cá nhân tại điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài và các đối tượng quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

4. Việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng mà ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thiết lập mối quan hệ và hoàn thành việc nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng đó quyết định nhưng phải đảm bảo thu thập được đầy đủ thông tin, giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ điều kiện, khả năng cung ứng của đơn vị mình để hướng dẫn khách hàng về trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại Thông tư này, pháp luật về phòng chống rửa tiền và chịu trách nhiệm về tính chính xác, chặt chẽ, đầy đủ của hồ sơ mở tài khoản thanh toán với khách hàng.”.

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Vụ Thanh toán có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như khoản 3 Điều 2;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Cổng thông tin điện tử NHNN; - Lưu: VP, PC, TT. | **KT.THỐNG ĐỐC PHÓ THỐNG ĐỐC****Nguyễn Kim Anh** |